

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.1203/01.07.2025_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ
2. Địa chỉ : Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
3. Địa điểm quan trắc : Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng
4. Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
5. Ngày lấy mẫu : 05/06/2025
6. Thời gian phân tích : 05/06/2025 đến ngày 01/07/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT)	QCVN 40: 2011/BTNMT (cột B-C _{max})
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	29	40
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,8	5,5÷9
3.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	31	150
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	22	65
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	46	165
6.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	24	130
7.	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	13,5	52
8.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	2,50	13
9.	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	2,44	4,4
10.	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,002	7,8
11.	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2017	<0,0025	0,13
12.	Sunfua (S ₂ ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ .B&D:2017	0,09	0,65
13.	Cr(VI)	mg/L	TCVN 7939:2008	<0,003	0,13
14.	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,035	2,6
15.	Ni	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,040	0,65
16.	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,060	3,6
17.	Mn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,035	1,3
18.	As	mg/L	TCVN 6626:2000	<0,0025	0,13
19.	Cd	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,009	0,13
20.	Pb	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,030	0,65
21.	Hg	mg/L	SMEWW 3112B:2017	<0,0004	0,013
22.	Fe	mg/L	TCVN 6177:1996	0,11	6,5
23.	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017	0,17	13
24.	Clo dư ^(*)	mg/L	SMEWW 4500.Cl-G:2017	KPH (MDL=0,02)	2,6
25.	Cr ³⁺ ^(*)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017+ TCVN 6222:2008	KPH (MDL=0,005)	1,3

-“ -”: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

26.	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{(*)}$	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,006)	0,1
27.	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(*)}$	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (MDL=0,06)	1,0
28.	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,8	13
29.	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	2.100	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

NT: Nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công suất 2.500 m³/ngày đêm (khu phía Bắc) tại bể chứa nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Tọa độ: X(m) = 2302577; Y(m) = 610041. Mã hoá: 32.050625

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ với $K_f = 1$, $K_q = 1,3$.

- Thông tin khác:

+ ^(*): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần tư vấn và xử lý môi trường Việt Nam – Phòng phân tích chất lượng (VIMCERTS 174 – VILAS 1504).

+ KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh

- "": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty